

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS - PT
Ngày: 11 - 5- 2022.
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng, ông Trần Hữu Hiệu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2021/TLPT - DS ngày 02/12/2021 về Tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS - ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Đức T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Đào Thị M, sinh năm 1959

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

3. Ông Đào Duy T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

4. Bà Đào Thị N, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

5. Anh Đào Thái C, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

6. Bà Thị S, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

7. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu đô thị V, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

8. Cháu Đào Thị H, sinh năm 2000

Địa chỉ: Khu đô thị V, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

9. Cháu Đào Bá Q, sinh năm 2004

Địa chỉ: Khu đô thị V, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện cho cháu Q: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu đô thị V, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn S.

Ông T, ông S, bà L có mặt. Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Thừa đất số 77, tờ bản đồ số 15, diện tích 496 m² tại khu dân cư K, phường V, thành phố C hiện nay gia đình ông đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc của bố ông để lại. Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết là GCNQSDĐ) ngày 06/5/1996 mang tên cụ T là bố ông. Thừa đất có cạnh phía Bắc giáp nhà ông Th, cạnh phía Tây giáp nhà ông S (bị đơn), cạnh phía Nam giáp đường xóm, cạnh phía Đông giáp nhà ông Đ. Ranh giới giữa thửa đất của gia đình ông và gia đình ông S là một đường thẳng, trước đây là một hàng cây đuôi chạy từ trước về phía sau đất giáp đôi, ở giữa ranh giới đất có 01 cái giếng đào hai gia đình dùng chung. Năm 2003, khi cụ T xây nhà chính xong thì xây tường ranh giới giữa hai gia đình phần phía giáp đường xóm dài 13,55m bằng tường gạch. Đoạn tường còn lại do gia đình ông S xây nhưng ông S không xây nối tiếp vào phần tường cụ T đã xây từ trước mà xây lấn sang phần đất của gia đình ông. Hiện nay, giếng nước đã bị lấp và phần đất có giếng nước nằm hẳn bên phần đất gia đình ông S đang sử dụng. Thời điểm năm 2003 ông không có ở nhà và gia đình ông cũng bị thất lạc GCNQSDĐ nên không yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp giải quyết tranh chấp đất. Năm 2015, gia đình ông S xây công trình phụ gồm nhà vệ sinh và nhà tắm ở phía sau phần giáp ranh đất giữa hai gia đình, lại xây lấn hẳn sang phần đất của gia đình ông, liền kề ngay sau khu vực thờ cúng tổ tiên của gia đình ông. Năm 2020, gia đình ông đã tìm thấy GCNQSDĐ, qua kiểm tra thì thấy gia đình ông S đã lấn chiếm đất của gia đình ông dọc theo ranh giới đất từ đoạn tường gia đình ông S xây tiếp, đoạn từ 13,55 m trong sơ đồ thẩm định đến hết phần đất phía sau theo GCNQSDĐ, diện tích đất lấn chiếm qua xem xét thẩm định tại chỗ là 19,9m². Trên toàn bộ phần đất lấn chiếm này gia đình ông S đã xây dựng tường bao giữa hai gia đình, một phần nhà ăn, nhà vệ sinh và nhà tắm. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông S trả lại diện tích đã lấn chiếm nêu trên và tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây trên phần đất lấn chiếm.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L trình bày: Thừa đất số 76, tờ bản đồ số 15 mà gia đình ông bà hiện đang sử dụng tại khu dân cư K, phường V, thành phố C có nguồn gốc của bố mẹ đẻ ông S tặng cho vợ chồng ông bà, đã được UBND huyện Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh) cấp GCNQSDĐ mang tên ông S ngày 06/5/1996. Thừa đất có cạnh phía Bắc giáp đôi nhà ông Th, cạnh phía Nam giáp đường xóm, cạnh phía Đông giáp đất gia đình ông T đang sử dụng, cạnh phía Tây giáp đường vào nhà ông Th. Trước đây, ở giữa ranh giới đất của hai gia đình là một hàng cây đuối mọc thẳng từ trước về sau đất, giữa ranh giới đất có một cái giếng đào hai nhà dùng chung. Năm 2003, khi cụ T xây nhà chính thì ông S và cụ T có thỏa thuận đổi một phần đất cho nhau để cụ T xây nhà chính cho vuông vắn. Vợ chồng ông và cụ T đã đổi một phần đất giáp ranh giữa hai gia đình có một phần là nhà chính mà ông T hiện nay đang ở và một phần giáp ranh đất giữa hai gia đình từ đoạn bắt đầu có giếng nước về phía sau (từ sau đoạn tường dài 13,55m theo sơ đồ xem xét thẩm định). Do vậy, hiện nay giếng nước mới nằm trên phần đất của gia đình ông đang sử dụng. Việc đổi đất hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng giữa ông S và cụ T, không đo vẽ diện tích và không có ai chứng kiến. Ông bà cũng không xác định được diện tích đất đổi cụ thể là bao nhiêu mét vuông. Sau khi đổi đất xong thì ông bà xây tường bao giữa hai gia đình đoạn từ cuối đất giáp đôi ra đến đoạn tường 13,55m mà cụ T đã xây. Năm 2015, ông bà xây dựng công trình phụ, phần đất xây dựng này ở giáp đôi phía sau đất của hai gia đình, ông bà vẫn sử dụng phần đất này nhiều năm. Trong suốt quá trình xây dựng, bố con ông T đều biết, không có ý kiến gì. Nay, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

UBND phường V, thành phố C cung cấp thông tin: Tại UBND phường V chỉ lưu giữ hồ sơ địa chính gồm sổ mục kê, bản đồ địa chính năm 1993, bản đồ địa chính hiện trạng sử dụng đất năm 2008. Tại hồ sơ địa chính năm 1993, thửa đất gia đình ông T đang sử dụng là thửa số 77, diện tích 496 m², thửa đất của gia đình ông S là thửa số 76, diện tích 470 m², cạnh giáp ranh giữa hai thửa đất là 01 đường thẳng, không có đoạn gấp khúc như hiện trạng sử dụng đất hiện nay. Hai thửa đất đều có nguồn gốc do ông cha để lại. Tại sổ cấp GCNQSDĐ năm 1996, trang số 85, số thứ tự 1941 thể hiện chủ sử dụng thửa đất 76 là ông Nguyễn Văn S, diện tích 470 m²; số thứ tự 1942 thể hiện chủ sử dụng thửa đất 77 là cụ T (bố ông T), diện tích 496 m². Tại bản đồ địa chính năm 2008 thì thửa đất của gia đình ông T đang sử dụng là thửa số 95, diện tích 478 m² đứng tên cụ T; thửa đất gia đình ông S là thửa số 92, diện tích 489 m² đứng tên ông S. Giữa bản đồ địa chính năm 2008 và bản đồ địa chính năm 2003 cùng GCNQSDĐ có sự khác nhau về diện tích các thửa đất là do năm 2008 đo vẽ bản đồ hiện trạng sử dụng của các gia đình để quản lý đất đai. Nếu có tranh chấp đất thì phải căn cứ vào hồ sơ địa chính năm 1993 để giải quyết. Tại bản đồ hiện trạng năm 2008 thì cạnh đất giáp ranh giữa hai gia đình vẫn là 01 đường thẳng. Năm 2020, UBND phường V đã 03 lần hòa giải về việc tranh chấp đất giữa hai gia đình theo yêu cầu của ông T. Tại buổi làm việc ngày 04/6/2020, ông S thừa nhận gia đình ông đã lấn chiếm đất của gia đình ông T và sẽ tự nguyện tháo dỡ công trình để trả lại diện tích đất lấn chiếm nhưng sau đó ông S không đồng ý tháo dỡ. UBND phường V căn cứ vào hồ sơ địa chính năm 1993 và GCNQSDĐ đã cấp cho các gia đình, xác định gia đình ông S đã lấn chiếm đất của gia đình ông T.

Trưởng khu dân cư K, phường V cung cấp thông tin: Các thửa đất của gia đình ông T và ông S đều có nguồn gốc do cha ông để lại. Việc xây dựng nhà, công trình phụ và việc đổi đất giữa hai gia đình trước năm 2020 hai gia đình có xảy ra tranh chấp đất hay không thì địa phương không nắm được vì họ không báo với chính quyền địa phương.

Tại bản án số 14/2021/DS-ST ngày 30/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh đã căn cứ Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Xác định gia đình ông S, bà L đã lấn chiếm phần đất vườn có diện tích 19,9 m² (được giới hạn bởi các điểm A20, A21, A22, A23, B1 đến A19) thuộc quyền sử dụng của ông Đào Trọng T (tên gọi khác: Đào Bá T) tại thửa số 77, tờ bản đồ số 15 tại phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Buộc ông S, bà L phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất gồm 01 nhà tắm, 01 nhà vệ sinh, tường nhà ăn, tường bao (Bản án có sơ đồ kèm theo) và trả lại diện tích lấn chiếm cho ông T. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo.

Ngày 11/10/2021, ông S kháng cáo bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông S giữ nguyên kháng cáo và trình bày căn cứ kháng cáo như đã nêu ở phần tóm tắt nội dung vụ án, xác định vợ chồng ông không lấn chiếm đất của gia đình ông T và xin được miễn án phí phúc thẩm.

Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông S.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông S trong thời hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được xác định là kháng cáo hợp lệ.

[1.2]. Về xác định tư cách đương sự: Ông S, bà L và các con chung của ông bà là chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H đều xác

định thửa đất số 76, tờ bản đồ số 15 hiện đang có tranh chấp với ông T thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông S, bà L, không liên quan đến các con của ông bà. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định chị H, chị B, anh H, chị Hiền không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.3]. Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà M, ông T, bà N, ông C, bà S, bà H, cháu H, cháu Q. Tuy nhiên, những người này hoặc đã có văn bản ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng hoặc đã có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

Thửa đất của gia đình ông T và thửa đất của gia đình ông S đều có nguồn gốc do cha ông để lại, đã được UBND huyện Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương cấp GCNQSDĐ ngày 06/5/1996. Trước đó, ngày 07/9/1992, ông S và cụ T (bố ông T) đã làm đơn xin cấp GCNQSDĐ, trong đơn có thể hiện rõ hình thể, diện tích và kích thước cụ thể của từng cạnh đất của hai gia đình, phù hợp với hồ sơ địa chính thời điểm đó. Sau khi được nhận GCNQSDĐ ông S, bà L, cụ Tuấn không ai có khiếu kiện gì. Do vậy, có căn cứ xác định GCNQSDĐ đã cấp đối với thửa đất số 76 và thửa đất số 77, tờ bản đồ số 15 mà hiện nay gia đình ông S và gia đình ông T đang quản lý sử dụng là hợp pháp.

Hai bên đương sự đều xác định trước đây ranh giới giữa hai thửa đất là 01 đường thẳng trồng bằng 01 hàng cây chuối chạy từ trước về phía sau giáp đồi, ở giữa ranh giới đất có 01 giếng nước hai gia đình dùng chung. Do vậy, có căn cứ xác định ranh giới giữa hai thửa đất là một đường thẳng, được các bên thừa nhận theo quy định tại Điều 175 Bộ luật dân sự. Bức tường ranh giới do cụ T xây dựng từ sau giếng nước về phía đường xóm, qua xem xét thẩm định dài 13,55m là ranh giới đến nay vẫn được hai bên thừa nhận, không có tranh chấp. Chiều rộng cạnh đất mặt đường ngõ hai gia đình đều xác định từ trước đến nay sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Qua xem xét thẩm định thì cạnh đất mặt đường hiện tại của hai gia đình cơ bản phù hợp với hồ sơ địa chính qua các thời kỳ và GCNQSDĐ mà hai gia đình đã được cấp. Tuy nhiên, cạnh đất giáp ranh giữa hai gia đình không còn là một đường thẳng, từ sau đoạn tường ranh giới cụ T xây (sau đoạn 13,55m tính từ ngoài đường xóm vào) bị gấp khúc hai đoạn: Từ đoạn A19 đến đoạn A21 và từ đoạn A21, A22, A23 trong sơ đồ thẩm định. Đối chiếu với ranh giới đã được hai bên đương sự thừa nhận, kết quả xem xét thẩm định, bản đồ địa chính qua các thời kỳ và GCNQSDĐ của hai gia đình thì ông S, bà L đã xây dựng tường bao, nhà ăn, nhà tắm và nhà vệ sinh sang phần đất của gia đình ông T diện tích 19,9 m².

Ông S, bà L cho rằng năm 2003, khi cụ Tuấn còn sống thì giữa vợ chồng ông và cụ T có việc đổi đất cho nhau để cụ Tuấn làm nhà cho vuông và phần đất phía sau mà gia đình ông đã xây nhà tắm, nhà vệ sinh năm 2015 là đất của gia đình ông sử dụng từ trước, khi gia đình ông xây dựng công trình hai bên không xảy ra tranh chấp. Xem xét, ý kiến này của ông S, bà L thì thấy rằng: Cụ T hiện nay đã chết, ngoài lời khai, ông S, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc đổi

đất giữa hai bên, bản thân ông bà cũng không xác định được vị trí, diện tích đôi đất cụ thể như thế nào. Xác minh tại UBND phường V trong hồ sơ địa chính cũng không thể hiện có việc hai bên đôi đất cho nhau. Tại hồ sơ địa chính năm 2008 thì ranh giới đất giữa hai gia đình vẫn là 01 đường thẳng, không có sự biến động so với hồ sơ địa chính năm 1993 và GCNQSDĐ đã cấp cho hai gia đình. Mặt khác, qua đối chiếu với bản đồ địa chính và GCNQSDĐ mang tên cụ T (được cấp trước năm 2003) thì toàn bộ nhà chính cụ T xây năm 2003 vẫn nằm trên phần đất mang tên cụ T trước đó. Ông Phạm Văn Th và ông Dương Văn S là những người xây dựng công trình cho gia đình cụ T trước đây đều xác định vào thời điểm cụ T thuê các ông xây dựng tường ranh giới đoạn 13,55m năm 2003 và công trình phụ phía sau nhà chính (phần đất giáp đôi) thì hai bên có xảy ra tranh chấp mốc giới, vì cụ T không tìm thấy GCNQSDĐ nên cũng không biết ranh giới đất cụ thể thế nào, chỉ yêu cầu gia đình ông S xây dựng các công trình đúng đất của mình. Hai thửa đất của hai gia đình đều đã được cấp GCNQSDĐ hợp pháp như nhận định ở trên. Qua xem xét thẩm định tại chỗ và đối chiếu với hồ sơ địa chính năm 2003 và GCNQSDĐ thì chiều dài từ trước về sau của phần đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn nằm trong GCNQSDĐ đã được cấp mang tên cụ T. Do vậy, ý kiến của ông S, bà L không có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định trên, HĐXX thấy rằng có căn cứ xác định gia đình ông S, bà L xây dựng các công trình lấn chiếm một phần của thửa đất do gia đình ông T đang quản lý, sử dụng, cụ thể là 19,9 m². Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của ông S không được chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông S phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông S là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013 ; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Luật phí và lệ phí ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Đức T. Xác định ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị L đã lấn chiếm 19,9 m² đất thuộc thửa số 77, tờ bản đồ số 15 (đo vẽ năm 1993) của gia đình ông Đào Đức T (được giới hạn bởi các điểm

A20, A21, A22, A23, B1 đến A19 trong sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm). Buộc ông S, bà L phải tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng gồm 01 nhà tắm, 01 nhà vệ sinh, tường nhà ăn, tường rào và trả lại diện tích đất lần chiếm cho ông Đào Đức T.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Đào Đức T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006664 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Chí Linh;
- CC THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm